

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-9-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tố**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Khánh** và bà **Lương Thị Như Nga**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Lệ H**, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thọ An, xã Bảo Q, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Số nhà 26/15, Tổ 15, khu phố Ruộng Hời, phường Bảo Vinh, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh **Lê Bửu Q**, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp Thọ An, xã Bảo Q, thành phố L, tỉnh Đ.

(Chị H có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày đề ngày 03-01-2019, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Lệ H trình bày, tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Vinh, thị xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09-12-2004 (vào sổ cấp giấy số 192/2004).

Theo chị H, quá trình chung sống của vợ chồng từ năm 2004 đến năm 2018, có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể, vợ chồng thông cảm và bỏ qua cho

nhau. Tuy nhiên, từ tháng 3-2018, anh Q có dấu hiệu vi phạm nghĩa vụ chung thủy của vợ chồng, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị H và gia đình đã khuyên giải, vì các con chị cũng đã bỏ qua để giữ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, anh Q vẫn không từ bỏ. Từ tháng 12-2018, chị H về lại nhà mẹ ruột sinh sống, còn anh Q vẫn sinh sống tại nhà riêng của vợ chồng. Từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể quay về đoàn tụ gia đình, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Bửu Q.

Về con: Theo chị H, vợ chồng có 02 (hai) người con là: Lê Dương Quế Anh, sinh ngày 09-01-2006 và Lê Dương Tấn Đạt, sinh ngày 01-8-2010. Chị H thừa nhận, từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu Đạt sống cùng chị H, cháu Quế Anh sống cùng anh Q. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đạt; đồng ý giao cháu Quế Anh cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị H, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Bửu Q mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, vắng mặt tại các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của anh Lê Bửu Q và thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q, chị H, kết quả xác minh như sau:

Tại Biên bản xác minh ngày 09-4-2019, Công an xã Bảo Q cung cấp thông tin như sau: Anh Lê Bửu Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa phương, nhưng do vợ chồng có mâu thuẫn nên đến nay không còn sống chung (bút lục số 17).

Tại Biên bản làm việc ngày 11-7-2019, đối với bà Lý Hồng Liên (là mẹ ruột của chị H) thể hiện: Chị H và anh Q bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018, nguyên nhân theo bà được biết là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác (bút lục số 43).

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Q; về con chung: Đề nghị giao Lê Dương Tấn Đạt, sinh ngày 01-8-2010 cho chị H, giao cháu Lê Dương Quế Anh, sinh ngày 09-01-2006 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Bửu Q, tranh chấp về nuôi con Lê Dương Quế Anh, sinh ngày 09-01-2006 và Lê Dương Tấn Đạt, sinh ngày 01-8-2010. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Bửu Q có nơi cư trú tại: Ấp Thọ An, xã Bảo Q, thành phố L, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Bửu Q là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị H và anh Q đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Đối với bị đơn anh Lê Bửu Q, qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú, xác định anh Q có đăng ký hộ khẩu thường, vẫn sinh sống và thường xuyên có mặt tại địa chỉ như nguyên đơn cung cấp nhưng cố tình né tránh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, giấy báo và các văn bản tố tụng khác (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự. Mặt khác, điều này cũng thể hiện anh Q không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình với chị H.

[6] Như vậy, đời sống hôn nhân của anh Q và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị H và anh Q có 02 (Hai) người con là: Lê Dương Quế Anh, sinh ngày 09-01-2006 và Lê Dương Tấn Đạt, sinh ngày 01-8-2010. Từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu Đạt sống chung cùng chị H, cháu Quế Anh sống chung cùng anh Q. Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện chị H và anh Q đều

có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, do vậy việc giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét nguyện vọng của cháu Đạt mong muốn được sống cùng mẹ, cháu Quế Anh có mong muốn được chung sống cùng cha là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn, mặt khác cũng không cần thiết phải xáo trộn đời sống của con trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Lê Dương Tấn Đạt cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Dương Quế Anh cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét; đối với anh Q nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung đối với chị H thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Lệ H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Lê Bửu Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Lệ H và anh Lê Bửu Q.

2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Lê Dương Tấn Đạt, sinh ngày 01-8-2010 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung Lê Dương Quế Anh, sinh ngày 09-01-2006 cho anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Q và chị H không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q và chị H, mỗi người đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện về việc chia tài sản của vợ chồng bằng vụ án khác cho anh Q, nếu anh Q có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 009361 ngày 07-01-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Bảo Vinh (số 192/2004, ngày 09-12-2004, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố